

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quốc Văn

Ông Trần Phi Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị D, sinh năm 1987 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thành L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2020 cũng như tại phiên tòa, chị Trương Thị D trình bày:*

Chị D và anh L tự nguyện chung sống với nhau. có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/5/2008. Thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi nhau và ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn với anh L.

Thời gian chung sống, chị D và anh L có 02 con chung tên Trần Thành L, sinh ngày 07/4/2009 và Trần Thị Hương LL, sinh ngày 01/9/2014. Hiện cháu L do anh L nuôi dạy, cháu LL do chị D nuôi dạy. Khi ly hôn chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu LL, cháu L chị D tự nguyện giao anh L tiếp tục nuôi dạy. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu LL, chị cũng không cấp dưỡng nuôi cháu L.

Chị D và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có nên chị D không yêu cầu giải quyết.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị D và anh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc và không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung cần giao cháu LL cho chị D tiếp tục nuôi dạy, giao cháu L cho anh L tiếp tục nuôi dạy. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trương Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thành L. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh L có địa chỉ tại ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị D và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Trần Thành L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/5/2008. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị D yêu cầu ly hôn với anh L. Xét thấy, yêu cầu của chị D là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay là phù hợp theo biên bản ghi lời khai của người làm chứng. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh L vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Trương Thị D và anh Trần Thành L được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Trần Thành L, sinh ngày 07/4/2009 (giới tính nam) và Trần Thị Hương LL, sinh ngày 01/9/2014 (giới tính nữ). Xét thấy, việc chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu LL và tự nguyện giao cháu L cho anh L nuôi dạy là có căn cứ. Bởi vì, cháu LL là nữ, hiện chị D nuôi dạy; cháu L là nam, hiện anh L nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Mặt khác, tại biên bản ghi ý kiến ngày 04/02/2021 cháu L có nguyện vọng được sống với anh L. Do cháu L đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu L là phù hợp và được pháp luật bảo vệ. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh L biết yêu cầu của chị D nhưng anh L không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị D. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu LL cho chị D nuôi dạy, giao cháu L cho anh L nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không có yêu cầu, anh L cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị D xác định chị và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị D phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Trần Thành L.
2. Về hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Trần Thành L được ly hôn.
3. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hương LL, sinh ngày 01/9/2014 (giới tính nữ) cho chị Trương Thị D tiếp tục nuôi dạy; Giao cháu Trần Thành L, sinh ngày 07/4/2009 (giới tính nam) cho anh Trần Thành L tiếp tục nuôi dạy. Chị D, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị D không trực tiếp nuôi dạy cháu L, anh L không trực tiếp nuôi dạy cháu LL nhưng anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được quyền cản trở.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị D phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 12 tháng 11 năm 2020 chị D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011310 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kiều Trang**

